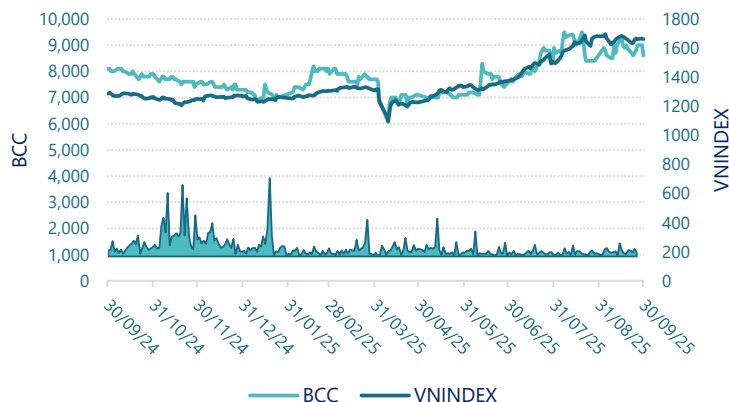


CTCP Xi măng Bỉm Sơn (HNX: BCC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	8,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,200
SL cổ phiếu LH	123,209,812
KLGD BQ 20 phiên (CP)	153,560
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,060
P/E	28.9
EPS	297

DT thuần

Q3/25

880

tỷ VNĐ

QoQ: ▼185 | -17.4%

YoY: ▲ 87.0 | 10.9%

LN sau thuế

Q3/25

-10.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼73.8 | -117%

YoY: ▲ 14.7 | 57.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-0.3%

+/- YoY: ▲ 1.8%

DT thuần

9T 2025

2,717

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 214 | 8.5%

LN sau thuế

9T 2025

-7.97

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 40.0 | 83.4%

ROE

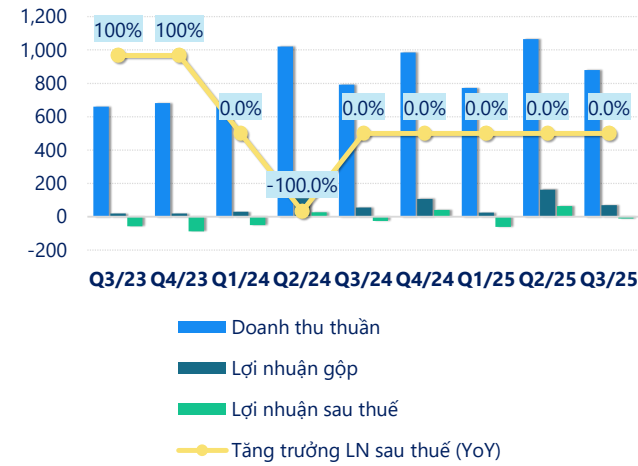
Q3/25

2.1%

+/- YoY: ▲ 9.3%

tỷ VNĐ

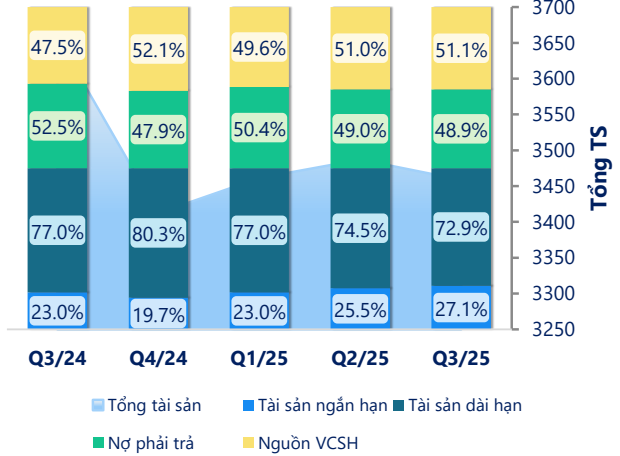
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

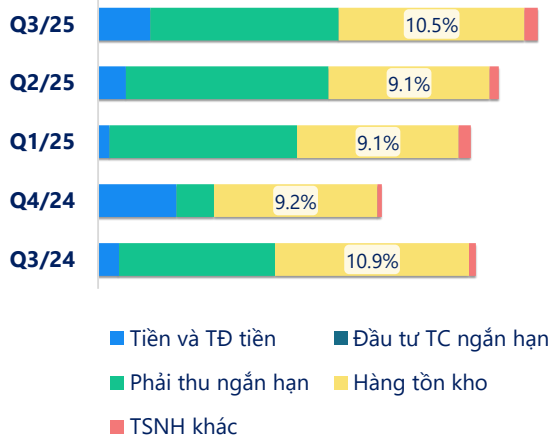
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



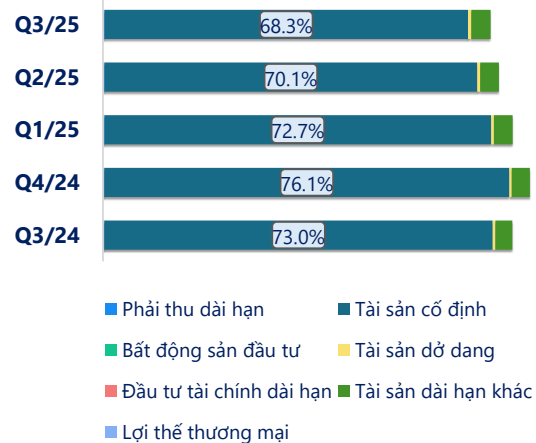
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

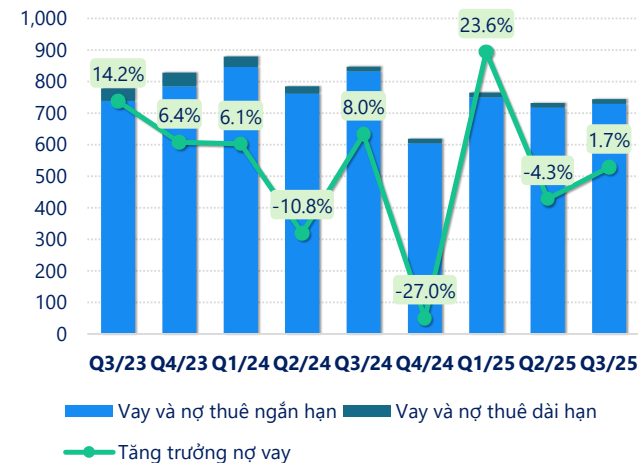
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

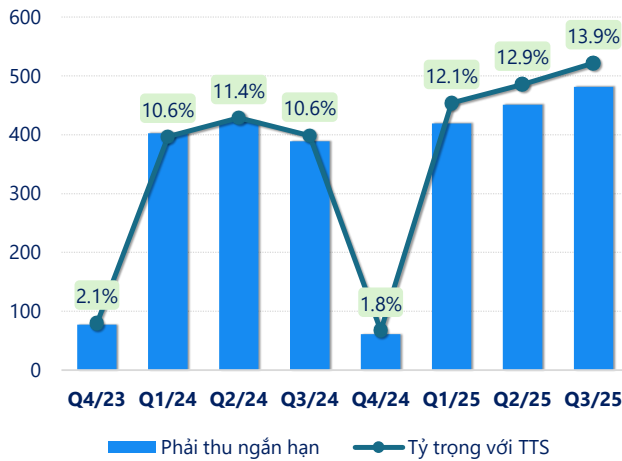
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



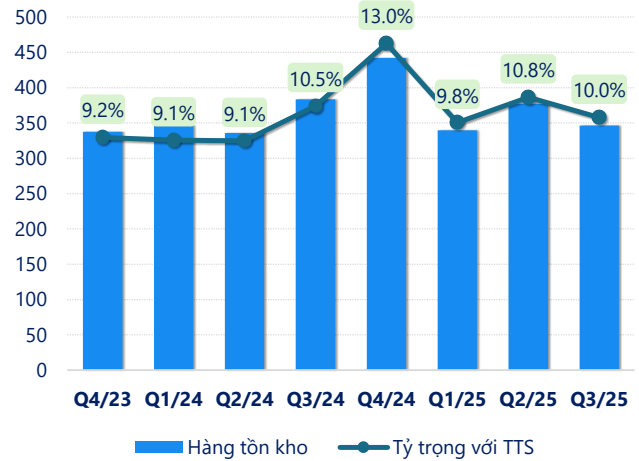
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


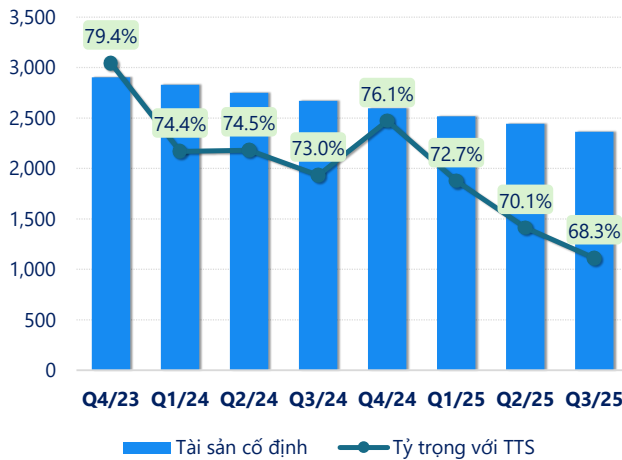
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


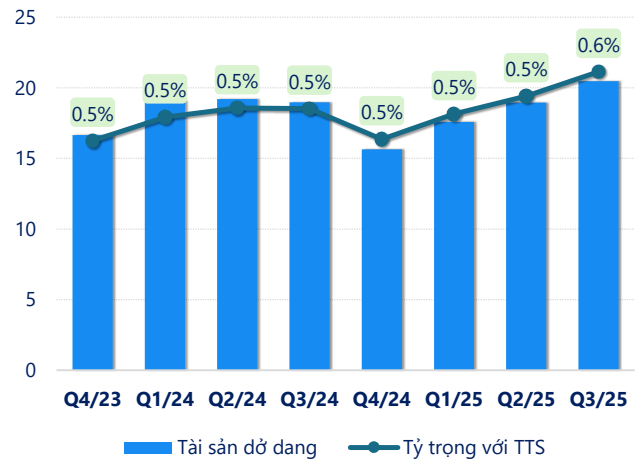
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

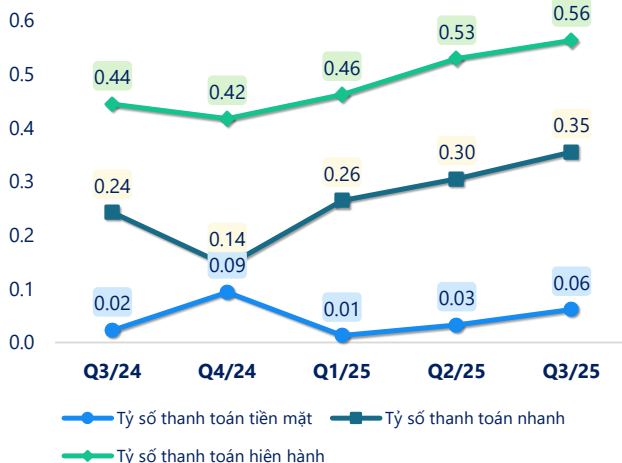
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

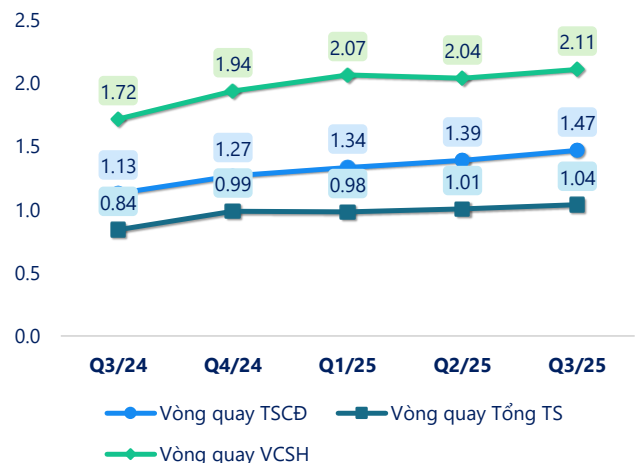
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	3,657	3,412	3,461	3,487	3,459
Tài sản ngắn hạn	842	672	795	890	937
Tiền và tương đương tiền	43.1	151	22.5	54.7	102
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	389	61.1	419	451	481
Hàng tồn kho	383	442	340	377	346
Tài sản ngắn hạn khác	27.1	18.5	13.4	7.20	7.50
Tài sản dài hạn	2,815	2,740	2,667	2,597	2,522
Phải thu dài hạn	9.67	9.67	10.4	10.4	10.4
Tài sản cố định	2,671	2,598	2,517	2,443	2,364
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	19.0	15.6	17.6	19.0	20.5
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	115	117	122	124	127
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,920	1,636	1,745	1,707	1,690
Nợ ngắn hạn	1,897	1,612	1,721	1,683	1,665
Vay và nợ thuê ngắn hạn	832	604	749	717	729
Phải trả người bán ngắn hạn	747	725	720	709	638
Nợ dài hạn	23.7	23.9	24.4	24.6	24.8
Vay và nợ thuê dài hạn	15.0	15.0	15.2	15.2	15.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,737	1,777	1,716	1,780	1,769
Vốn chủ sở hữu	1,737	1,777	1,716	1,780	1,769
Vốn điều lệ	1,232	1,232	1,232	1,232	1,232
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)